

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/DSPT

Ngày 17 - 01 - 2018

V/v tranh chấp đòi quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Lệ Kiều

*Các Thẩm phán:* Bà Châu Minh Nguyệt

Bà Cao Thị Túy Giang

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Tăng Giàu - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:**  
Ông Phạm Văn Thân - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2018, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự lý số 96/2017/TLPT-DS ngày 01 tháng 11 năm 2017 về việc “*Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2017/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 94/2017/QĐPT-DS ngày 20 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Bùi Thị L, sinh năm 1945 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Duy S là Luật sư của Công ty Luật TNHH K thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

**- Bị đơn:** Ông Lâm Hoàng Q, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, thị trấn B, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Bùi Đại T, sinh năm 1929 (có mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Đại T:* Ông Bùi Tấn H, sinh năm 1974 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bà Bùi Thị Bích V, sinh năm 1950 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3. Bà Trần Thị P, sinh năm 1969 (có mặt).

4. Anh Lâm Hoàng V, sinh năm 1995 (vắng mặt).

5. Chị Lâm Phương A, sinh năm 1992 (vắng mặt).

6. Chị Lâm Phương D, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

7. Ủy ban nhân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Địa chỉ: Quốc lộ A, Thị trấn B, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Dương Văn T - Chức vụ: Chủ tịch.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Dương Văn T:* Bà Trần Thị Đỗ Q, chức vụ: Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H (Văn bản ủy quyền số 24/GUQ-UBND ngày 01/12/2016) (có đơn xin xét xử vắng mặt).

8. Ngân hàng Thương mại Cổ phần B.

Địa chỉ: Đường T, phường C, quận H, thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Phạm Doãn S - Chức vụ: Tổng giám đốc.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Doãn S:* Chị Đặng Thị Bích T - Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần B, Chi nhánh Bạc Liêu (Văn bản ủy quyền số X/2017/QĐ-LienvietPostBank ngày 28/6/2017) (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Bùi Thị L là nguyên đơn;

- *Kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, các bản khai nguyên đơn bà Bùi Thị L trình bày: Cha ruột của bà là ông Bùi Văn T là anh ruột của bà Bùi Thị D (bà D là mẹ ruột ông Lâm Văn G) qua đời năm 1982 thì ông Lâm Văn T (chú ruột ông G) và ông Lâm Văn G, có cho bà chôn cất cha bà trên phần đất của ông T và ông G. Đến năm 1993, mẹ bà là bà Nguyễn Thị M qua đời thì bà tiến hành chôn cất mẹ bà gần mộ cha bà thì ông Lâm Văn T ra ngăn cản và đòi nếu muốn chôn thì phải trả cho ông 1.200.000 đồng. Lúc đó có mặt đầy đủ các anh chị em của bà gồm 08 người đến nay đã chết 05 người chỉ còn lại anh bà là ông Bùi Đại T, em bà là bà Bùi Bích V và bà. Thời điểm này gia đình bà quá nghèo nên em bà là Bùi Thị Bích V có kêu giảm xuống còn 1.000.000 đồng thì ông T đồng ý. Do lúc này ông T bệnh nằm một chỗ nên bà V đã đưa 01 chỉ vàng 24k cho ông T nhưng ông T không nhận vì ông T có nói là ông T đang bị bệnh cần tiền thì bà V có đem 01 chỉ vàng đi bán và bù thêm tiền cho đủ 1.000.000 đồng để đưa cho ông T ngay tại nhà ông T. Người nhận tiền là vợ ông T. Sau khi đưa tiền thì phía gia đình ông T cho chôn cất mẹ bà và có chừa 1,5m (lúc này là cái ao) để gia đình bà đắp thành đường và làm đường đi vào mộ từ đó đến nay. Năm 2016, phía ông Q tự ý xây nhà bít lối đi vào mộ cha mẹ bà mà không có ý kiến của bà. Bà đã khiếu nại tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H nhưng phía ông Q vẫn tiếp tục xây dựng. Nay bà yêu cầu buộc ông Q phải tháo dỡ phần nhà xây bít lối vào mộ cha, mẹ bà và trả lại cho bà đường đi ngang 1,5m chiều dài từ lộ vào đến mộ khoảng 17m để bà và gia đình đi ra vào mộ cha mẹ cúng kiến, bà yêu cầu hủy một phần giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất (phần đất mồ mã) mà nhà nước đã cấp cho ông Q.

Bị đơn ông Lâm Hoàng Q trình bày: Ông không đồng ý với lời trình bày và yêu cầu của bà L, ông khẳng định nguồn gốc đất tranh chấp là của cha ông là Lâm Văn T, ông Tư chết để lại cho ông, ông đã kê khai và được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2005. Do gia đình bà L có quen biết nên cha ông có cho gia đình bà L chôn nhờ cha mẹ bà L trên phần đất của ông, ông khẳng định chỉ cho chôn nhờ chứ không cho luôn, tuy nhiên sau khi chôn cất cha mẹ thì bà L tiếp tục xây nhà mồ, thời điểm xây khoảng năm 1994 lúc này ông đi làm thuê nơi khác không có mặt tại địa phương, khi bà L xây nhà mồ thì các anh em ông có ngăn cản. Ngoài phần mộ ra thì ông có chừa đường đi khác để đi vào khu mộ phía sau, đường đi này thuộc đất của ông nhưng ông chừa để mọi người sử dụng chung, trong đó có dẫn đến phần mộ của gia đình bà L. Năm 2016, ông xây dựng nhà thì gia đình bà L ra ngăn cản không nói lý do gì, sự việc tranh chấp được địa phương hòa giải thì phát sinh ra sự việc bà L cho rằng ông lấn chiếm đường đi vào khu mộ. Ông khẳng định không có đường đi nào riêng của gia đình bà L, đồng thời ông có đơn phản tố yêu cầu phía bà L trả di dời mồ mã trên đất để trả đất cho ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Đại T, bà Bùi Thị Bích V trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bà Bùi Thị L, yêu cầu ông Q phải tháo dỡ phần nhà xây bít lối vào mộ cha mẹ ông bà với diện tích chiều ngang 1,5m chiều dài từ lộ vào đến mộ khoảng 17m để gia đình đi ra vào, hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà nhà nước đã cấp giấy chứng nhận.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu chị Trần Thị Đỗ Q trình bày: Về trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lâm Hoàng Q là đúng quy định pháp luật, không đồng ý yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Q. Do bận nhiều công việc nên chị yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) chị Đặng Thị Bích T trình bày: Ông Lâm Hoàng Q và bà Trần Thị P có vay vốn tại Ngân hàng vào năm 2016 với số tiền 80.000.000 đồng. Tính đến ngày 09 tháng 8 năm 2017, ông Q và bà P còn nợ số tiền 58.794.240 đồng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Q và bà P thanh toán nợ. Tuy nhiên, vào ngày 25 tháng 8 năm 2017 ông Q và bà P đã hoàn thành việc thanh toán số nợ trên nên Ngân hàng rút yêu cầu khởi kiện. Do bận công tác nên chị T xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Từ nội dung trên, tại bản án số 19/2017/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Áp dụng khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 2 Luật đất đai năm 1993; Điều 203 Luật đất đai sửa đổi bổ sung năm 2013, khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số

10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị L.

Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A ngày 04/5/2005 của Ủy ban nhân dân huyện V (nay là huyện H), tỉnh Bạc Liêu cấp cho hộ ông Lâm Hoàng Q (phần đất mồ mả) diện tích  $23.66m^2$ , số thửa A tờ bản đồ B, đất tọa lạc tại ấp A (nay là A1), thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (có tuyên vị trí tứ cạnh và số đo).

2. Bác yêu cầu của bà Bùi Thị L đòi ông Lâm Hoàng Q tháo dỡ nhà trả đất, gồm 2 phần:

Phần đường đi: Diện tích:  $31,5m^2$  (Có  $27m^2$  nằm trong hành lang lộ giới quốc lộ A).

Phần chữ L: Diện tích  $6,07m^2$  (có tuyên vị trí tứ cạnh và số đo).

3. Bác yêu cầu phần tố của ông Lâm Hoàng Q đòi bà Lừa di dời mồ mả để trả lại phần đất diện tích  $23,66m^2$  (có tuyên vị trí tứ cạnh và số đo).

4. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B đối với ông Lâm Hoàng Q và bà Trần Thị P.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, án phí, áp dụng Luật Thi hành án dân sự trong giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 04 tháng 10 năm 2017 nguyên đơn bà Bùi Thị L kháng cáo một phần bản án sơ thẩm với nội dung: Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa một phần bản dân sự sơ thẩm theo hướng buộc ông Lâm Hoàng Q tháo dỡ nhà trả lại phần đất đường đi diện tích  $31,5m^2$  và phần chữ L diện tích  $6.07m^2$  cho gia đình bà theo quy định pháp luật.

Ngày 19 tháng 10 năm 2017 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu kháng nghị với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm.

Tại phiên tòa bà Bùi Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu rút một phần kháng nghị về công sức bồi đắp phần đất tranh chấp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông Lâm Văn G, ông Lâm Hoàng Q sử dụng phần đất này do Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông G cho ông Q. Ông Q cho rằng đất của ông Q nên không đồng ý giao trả là không phù hợp; phần đất tranh chấp gia đình bà L sử dụng làm đường đi vào khu mộ. Khi ông Q xây dựng nhà bà L có ngăn cản và chính quyền địa phương có lập biên bản; qua kết quả đo đạc tại cấp sơ thẩm xác định phần đất nhà mồ nằm giữa đất ông Q. Phần đất tranh chấp theo bà L nhận chuyển nhượng từ gia đình ông Q 1.000.000

đồng, bà L không cung cấp được tài liệu, chứng chứng minh, nhưng có ông Giáo biết được và dựa vào niềm tin, đồng thời bà L đã sử dụng ổn định và tráng bê tông làm chỗ cúng; gia đình bà L có nhu cầu về đường đi vào khu mộ là phù hợp. Từ cơ sở trên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà L, sửa án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu rút một phần kháng nghị về công sức bồi đắp do bà L không chứng minh được và không có yêu cầu, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với phần kháng nghị này; về án phí bà L chỉ tranh chấp quyền sử dụng đất, không yêu cầu tính giá trị đất nên bà L chỉ chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu và chấp nhận một phần kháng cáo của bà Bùi Thị L, sửa bản án sơ thẩm số 19/2017/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi nghe ý kiến trình bày của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Xét về nguồn gốc đất tranh chấp: Các bên đương sự đều thống nhất về nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Lâm Văn T (cha ruột ông Lâm Hoàng Q). Bà Bùi Thị L xác định năm 1982 khi cha bà chết thì bà có hỏi ông Lâm Văn G chôn nhờ trên đất thì ông G mới kêu bà hỏi ông T vì đất là của ông T, đến năm 1993 mẹ bà L chết, bà L tiến hành chôn cất kế bên phần mộ cha bà thì ông T ngăn cản và nói nếu muốn chôn thì phải trả cho ông T 1.200.000 đồng. Gia đình bà có đưa cho ông T 1.000.000 đồng, người giao tiền là bà Bùi Thị Bích V (em bà L), người nhận tiền là bà Trần Thị B (vợ ông T). Sau khi giao nhận tiền xong thì gia đình ông T cho chôn cất mẹ bà và còn chừa phần đất chiều ngang 1,5m dài 17m để gia đình bà đắp thành đường đi vào mộ. Phía ông Q cho rằng sở dĩ gia đình ông cho gia đình bà L chôn cất cha mẹ bà L là cho tạm và phía sau mộ của cha mẹ bà L thì còn nhiều mộ của những người khác vì trước đây có nhiều người nghèo không có đất chôn người thân nên gia đình ông chỉ cho chôn nhờ, không cho luôn, ngoài phần mộ ra không có chừa đường đi, không nhận tiền như lời trình bày của bà L.

[3] Tại biên bản làm việc bà Trần Thị B (BL 225B) bà B xác định bà V không có giao số tiền 1.000.000 đồng cho bà. Lời khai bà Lâm Thị Huỳnh M, bà

Lâm Thị Huỳnh L (BL 72, 74) thể hiện các bà không biết việc bà V có giao tiền cho gia đình ông Q cụ thể là bao nhiêu, không chứng kiến trực tiếp mà chỉ nghe kể lại. Còn tại lời khai của ông Lâm Văn G (BL 75) xác định là ông biết gia đình bà L có đưa tiền cho gia đình ông Q nên bà L mới chôn cất được mẹ bà L. Còn ai đưa, ai nhận, số tiền cụ thể bao nhiêu thì ông không chứng kiến nên không biết. Như vậy, những người làm chứng nêu trên đều không chứng kiến trực tiếp, không biết rõ việc giao nhận tiền giữa bà V và bà B. Việc bà L cho rằng có việc giao tiền, thì bà L phải có nghĩa vụ chứng minh. Nay bà L không đưa ra được chứng cứ chứng minh, phía ông Q không thừa nhận nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận theo lời trình bày của bà L.

[4] Xét về quá trình sử dụng đất tranh chấp: Ông Q xác định từ khi cha ông là ông T còn sống thì ông T trực tiếp quản lý sử dụng, khi cha ông mất mới cho lại ông, gia đình bà L không quản lý sử dụng đất. Vào năm 2016 khi ông Q xây nhà trên đất thì bà L ngăn cản và phát sinh tranh chấp. Phần đất tranh chấp ông Q đã kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2005. Bà L cho rằng ngoài lối đi trên vào mộ cha mẹ bà thì không còn lối đi nào khác, tuy nhiên thực tế vẫn có lối đi khác ở phía sau và lối đi này cũng thuộc đất của ông Q, ông Q để mọi người sử dụng chung trong đó có bà L sử dụng làm lối đi vào mộ.

[5] Như vậy, ngoài việc bà L không chứng minh được đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của bà thì bà L không có quá trình sử dụng đất nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của L đòi ông Q trả lại diện tích 31.5m<sup>2</sup> (phần đường đi) và diện tích 6.07m<sup>2</sup> (phần chữ L) cũng như không chấp nhận yêu cầu của bà L về việc buộc ông Q dỡ nhà trả đất là có cơ sở. Do đó, cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà L.

[6] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu kháng nghị cho rằng cấp sơ thẩm chưa làm rõ công sức bồi đắp là chưa giải quyết toàn diện vụ án ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Bùi Thị L. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm Kiểm sát viên đã rút một phần kháng nghị đối với công bồi đắp do bà L không chứng minh được và cũng không có yêu cầu; đồng thời tại phiên tòa phúc thẩm bà L cũng không yêu cầu tính công sức bồi đắp nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với phần Viện kiểm sát rút kháng nghị.

[7] Về án phí: Trong vụ án này, các bên chỉ tranh chấp quyền sử dụng đất, Tòa án không xem xét giá trị đất, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại buộc bà L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là không đúng. Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí và khoản 1 Điều 17 Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án thì bà Lừa chỉ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Bùi Thị L; có căn cứ chấp nhận phần kháng nghị còn lại của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu; sửa một phần bản án sơ thẩm

số 19/2017DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu về án phí.

[9] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[10] Án phí dân sự phúc thẩm bà Bùi Thị L phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309; khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 91; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân; khoản 2 Điều 2 Luật đất đai năm 1993; Điều 203 Luật đất đai sửa đổi bổ sung năm 2013, khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Thị L, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 19/2017DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu về án phí.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị L đòi ông Lâm Hoàng Q tháo dỡ nhà trả đất, gồm 2 phần:

Phần đường đi (phần I):

- Hướng Đông giáp nhà và đất ông Q đang sử dụng có số đo 21m.
- Hướng Tây giáp nhà và đất ông Q đang sử dụng số đo 21m.
- Hướng Nam giáp quốc lộ A có số đo 1,5m.
- Hướng Bắc giáp phần nhà mồ của cha mẹ bà L có số đo 1,5m.

Diện tích: 31,5m<sup>2</sup> (trong đó có 27m<sup>2</sup> nằm trong hành lang lộ giới Quốc lộ A).

Phần chữ L (phần II):

- Hướng Đông giáp nhà và đất ông Lâm Hữu L đang sử dụng có số đo 1,5m.
  - Hướng Tây giáp phần đường đi đang tranh chấp số đo 1,5m.
  - Hướng Nam giáp nhà đất ông Lâm Hoàng Q có số đo 4,05m.
  - Hướng Bắc giáp phần nhà mồ của cha mẹ bà L có số đo 4,05m.
- Diện tích 6,07m<sup>2</sup>.

2. Không chấp nhận phần yêu cầu phản tố của ông Lâm Hoàng Q đòi bà Bùi Thị L di dời mồ mả để trả lại phần đất, tổng diện tích 23,66m<sup>2</sup>.

Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC ngày 04/5/2005 của Ủy ban nhân dân huyện V (nay là huyện H), tỉnh Bạc Liêu cấp cho hộ ông Lâm Hoàng Q (phần đất mồ mả), số thửa A tờ bản đồ B, đất tọa lạc tại ấp A (nay là A1), thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Phần đất có vị trí, số đo như sau:

- Hướng Đông giáp đất bà Nguyễn Thị H đang sử dụng có số đo 4.05m.
- Hướng Tây giáp đất ông Lâm Hoàng Q có số đo 4.2m.
- Hướng Nam giáp nhà đất ông Lâm Hoàng Q có số đo 5.8m.
- Hướng Bắc giáp đất ông Lâm Hoàng Q có số đo 5.67m.

Tổng diện tích 23.66m<sup>2</sup>.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B đối với ông Lâm Hoàng Q và bà Trần Thị P.

4. Đình chỉ một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu về công sức bồi đắp phần đất tranh chấp.

5. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ bà L phải chịu 600.000 đồng, ông Q phải chịu 600.000 đồng, bà L và ông Q mỗi người đã nộp 600.000 đồng đã chi hết không hoàn lại.

6. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Bùi Thị L chịu 200.000 đồng. Bà L đã nộp tạm ứng án phí 500.000 đồng theo biên lai số 004005 ngày 23 tháng 02 năm 2016 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu được đối trừ, bà L được hoàn lại 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

+ Ông Lâm Hoàng Q chịu 200.000 đồng. Ông Q đã nộp tạm ứng án phí 200.000 đồng theo biên lai số 0003295 ngày 28 tháng 11 năm 2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

+ Ngân hàng thương mại Cổ phần B không phải chịu. Ngân hàng đã nộp tạm ứng án phí 2.000.000 đồng theo biên lai số 0003560 ngày 04 tháng 7 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Bùi Thị L chịu 300.000 đồng. Bà L đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0003660 ngày 04 tháng 10 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí phúc thẩm.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu Tổ HCTP, hồ sơ vụ án.

(đã ký)

**Nguyễn Lệ Kiều**